

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

01/3

C71.204

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/CA22MNA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01/03/2024

Phòng thi: C71.204

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	214221152	Từ Khả Linh	13/10/2003	Nữ	6.5	4.5	55	001	Chào		
2	214222001	Thạch Thị Thúy An	30/12/2004	Nữ	7.6	3.8	58	002	AD		
3	214222003	Nguyễn Ngọc Ánh	05/05/2004	Nữ	9.1	3.3	62	003	Anh		
4	214222005	Cao Nguyễn Ngọc Diễm	09/04/2004	Nữ	7.4	2.0	47	004	Dum		
5	214222006	Lê Thị Mỹ Dung	21/09/2003	Nữ	7.6	3.0	53	005	Luu		
6	214222007	Lê Thị Thùy Dương	13/04/2004	Nữ	7.6	3.3	55	006	Đông		
7	214222008	Trần Thị Cẩm Duyên	05/12/2004	Nữ	7.9	2.3	51	007	Quỳnh		
8	214222010	Phan Thị Ngọc Giàu	08/06/2004	Nữ	8.1	1.8	50	008	Trần		
9	214222011	Thạch Thị Ngọc Hân	16/01/2003	Nữ	7.6	3.8	58	009	Trần		
10	214222012	Tổng Thị Bảo Hân	14/10/2003	Nữ	7.5	2.3	49	010	Hà		
11	214222015	Phạm Như Huỳnh	23/04/2003	Nữ	8.0	4.3	62	011	Huỳnh		
12	214222016	Thạch Thị Ngọc Mai	23/03/2004	Nữ	8.1	4.0	61	012	Trần		
13	214222017	Võ Thị Diễm My	05/11/2003	Nữ	7.8	3.5	57	013	Quỳnh		
14	214222018	Dương Thị Thanh Na	17/03/2003	Nữ	7.6	2.3	50	014	Trần		
15	214222019	Nguyễn Thị Nga	14/07/2004	Nữ	7.9	3.0	55	015	Trần		
16	214222020	Kim Thảo Ngân	19/12/2004	Nữ	7.9	3.3	56	016	Ngân		
17	214222026	Nguyễn Thanh Nhi	28/07/2004	Nữ	7.8	2.3	51	017	Trần		
18	214222033	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	03/03/2004	Nữ	8.6	1.5	51	018	Trần		
19	214222045	Thạch Thị Sa Vinh	27/12/2004	Nữ	7.9	3.3	56	019	Trần		
20	214222052	Thạch Thị Thanh Ngân	15/10/2004	Nữ	8.4	3.5	60	020	Ngân		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50%, Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Trần

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/CA22MNA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: *TN*

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01/03/2024

Phòng thi: *C71.205*

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	214222054	Trần Bảo Ngọc	24/12/2004	Nữ	<i>7.1</i>	<i>3,3</i>	<i>5,2</i>	<i>003</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
2	214222055	Lê Thị Hồng Thi	12/07/2004	Nữ	<i>8.1</i>	<i>3,8</i>	<i>6,0</i>	<i>004</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
3	214222058	Sơn Thị Thanh Trúc	03/03/2004	Nữ	<i>7.6</i>	<i>2,0</i>	<i>4,8</i>	<i>005</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
4	214222059	Trần Triều An	16/12/2004	Nữ	<i>7.9</i>	<i>2,0</i>	<i>5,0</i>	<i>006</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
5	214222060	Tăng Thị Kim Anh	04/01/2004	Nữ	<i>8.8</i>	<i>4,3</i>	<i>6,6</i>	<i>007</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
6	214222061	Nguyễn Thị Vân Anh	02/08/2004	Nữ	<i>8.0</i>	<i>4,0</i>	<i>6,0</i>	<i>008</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
7	214222062	Nguyễn Thị Phương Anh	27/07/2002	Nữ	<i>7.1</i>	<i>3,8</i>	<i>5,5</i>	<i>009</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
8	214222063	Thạch Thị Line Đa	22/01/2004	Nữ	<i>7.2</i>	<i>2,8</i>	<i>5,0</i>	<i>010</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
9	214222064	Thạch Thị Thanh Huy	07/07/2004	Nữ	<i>8.3</i>	<i>3,3</i>	<i>5,8</i>	<i>011</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
10	214222066	Nguyễn Thị Minh Huyền	27/08/2002	Nữ	<i>7.9</i>	<i>4,3</i>	<i>6,1</i>	<i>012</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
11	214222068	Phạm Thị Thùy Linh	03/02/2003	Nữ	<i>8.3</i>	<i>3,0</i>	<i>5,7</i>	<i>013</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
12	214222070	Nguyễn Thị Diễm My	08/07/2004	Nữ	<i>6.9</i>	<i>4,0</i>	<i>5,5</i>	<i>014</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
13	214222071	Nguyễn Huỳnh My	06/12/2002	Nữ	<i>7.8</i>	<i>4,5</i>	<i>6,2</i>	<i>015</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
14	214222072	Huỳnh Thanh Ngân	14/08/2002	Nữ	<i>6.6</i>	<i>2,5</i>	<i>4,6</i>	<i>016</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
15	214222073	Trương Thị Bích Như	13/12/2004	Nữ	<i>7.6</i>	<i>3,3</i>	<i>5,5</i>	<i>017</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
16	214222074	Dương Thị Ngọc Như	30/12/2004	Nữ	<i>7.5</i>	<i>3,3</i>	<i>5,4</i>	<i>018</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
17	214222075	Nguyễn Thị Bảo Như	30/08/2004	Nữ	<i>8.0</i>	<i>2,5</i>	<i>5,3</i>	<i>019</i>	<i>[Chữ ký]</i>		
18	214222076	Luyện Thị Hồng Nhung	26/10/2004	Nữ	<i>7.8</i>	<i>3,5</i>	<i>5,7</i>	<i>020</i>	<i>[Chữ ký]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: *18*

Tổng số sv, hs dự đánh giá: *18*

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: *18*

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: *Đ.Đ. Sơn Hậu*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: *50* %; Điểm KT: *50* %

Trà Vinh, Ngày *22* tháng *03* năm *2024*

Cán bộ ghi điểm: *Luân Cao Dương Phương Lan*

Cán bộ kiểm tra: *[Chữ ký]*

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

113

D71.112

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/CA22MNB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 03 / 2024

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	214222021	Thạch Thị Kim Ngân	25/08/2003	Nữ	76	4,8	6,2	001	ngan		
2	214222023	Trần Thanh Ngân	06/05/2004	Nữ	9,1	2,8	6,0	002	ngan		
3	214222024	Lâm Thị Thúy Nhi	21/04/2004	Nữ	8,6	3,0	5,8	003	thuy		
4	214222025	Ngô Thị Khôi Nhi	23/07/2004	Nữ	8,0	3,3	5,8	004	khoinhi		
5	214222027	Phạm Ngọc Yến Nhi	23/03/2004	Nữ	76	2,5	5,1	005	ynhi		
6	214222028	Thạch Thị Ngọc Như	17/07/2004	Nữ	8,9	3,3	6,1	006	thach		
7	214222029	Chu Thị Thuỷ Nhung	02/11/2003	Nữ	8,8	4,3	6,6	007	thuy		
8	214222030	Nguyễn Thị Yên Phụng	28/10/2004	Nữ	7,1	3,5	5,6	008	thuy		
9	214222031	Thạch Phụng	21/10/2004	Nữ	8,5	2,3	5,4	009	thach		
10	214222032	Nguyễn Thị Kim Quyên	29/05/2004	Nữ	8,1	3,8	6,0	010	thuy		
11	214222035	Lê Thị Thơ	11/11/2004	Nữ	8,3	2,0	5,2	011	tho		
12	214222037	Trần Lâm Anh Thư	10/04/2003	Nữ	7,8	2,5	5,2	012	tho		
13	214222038	Phạm Thị Cẩm Tiên	27/08/2004	Nữ	9,3	3,5	6,4	013	tho		
14	214222039	Đoàn Thị Ngọc Trâm	01/11/2001	Nữ	9,1	5,3	7,2	014	tho		
15	214222040	Trương Thị Mỹ Trâm	11/12/2003	Nữ	8,1	3,0	5,6	015	tho		
16	214222041	Nguyễn Anh Trí	11/09/2002	Nữ	9,1	3,0	6,1	016	tho		
17	214222042	Ngô Thị Ngọc Trinh	02/03/2004	Nữ	7,3	3,0	5,2	017	tho		
18	214222044	Cao Thị Tuyền	20/06/2004	Nữ	7,9	3,8	5,9	018	tho		
19	214222046	Dương Thị Thúy Vy	21/10/2004	Nữ	8,6	3,0	5,8	019	tho		
20	214222047	Nguyễn Thị Tường Vy	12/05/2004	Nữ	7,8	4,0	5,9	020	tho		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %, Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/CA22MNB

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: ĐN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 3 / 2024

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chi
1	214222048	Đào Như Ý	01/07/2003	Nữ	7.8	3,3	5.6	001	<u>nh</u>		
2	214222049	Sơn Thị Ngọc Yến	04/10/2003	Nữ	8.1	3,0	5.6	002	<u>ye</u>		
3	214222078	Huỳnh Trúc Phương	26/08/2004	Nữ	8.0	2,3	5.2	007	<u>ph</u>		
4	214222079	Lê Thị Kim Quyên	21/04/2004	Nữ	9.3	4,0	6.7	008	<u>quy</u>		
5	214222081	Liêu Thị Ngọc Thắm	07/03/2004	Nữ	9.1	4,3	6.7	009	<u>th</u>		
6	214222082	Thạch Thị Thanh Thảo	30/01/2004	Nữ	7.1	4,3	5.7	010	<u>th</u>		
7	214222084	Dương Thị Hoàng Thơ	24/04/2004	Nữ	8.8	3,8	6.3	011	<u>th</u>		
8	214222085	Lâm Thị Thoa	28/05/2004	Nữ	7.8	4,5	6.2	012	<u>th</u>		
9	214222086	Kim Thị Minh Thu	11/10/2004	Nữ	—	—	—	—	—		CT
10	214222087	Thạch Thị Ngọc Trâm	18/12/2004	Nữ	7.6	3,3	5.5	014	<u>tr</u>		
11	214222088	Lâm Thanh Trang	14/11/2000	Nữ	8.1	3,0	5.6	015	<u>tr</u>		
12	214222089	Lê Thị Cẩm Tú	23/11/2004	Nữ	7.4	3,0	5.2	016	<u>tu</u>		
13	214222090	Nguyễn Gia Tuệ	28/11/2004	Nữ	8.1	3,3	5.7	017	<u>tu</u>		
14	214222091	Huỳnh Thị Thanh Vân	18/12/2004	Nữ	8.6	3,0	5.8	020	<u>th</u>		
15	214222094	Thạch Thị Ngọc Như Ý	15/04/2004	Nữ	7.7	4,0	5.9	019	<u>ny</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 15

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 14

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 14

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thư Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Thư

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22TCNHA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 3 / 2024

Phòng thi: ĐH 113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	114522001	Tăng Thị Thủy	Anh	11/08/2004	Nữ	9.3	7.0	8.2	003	<u>Đu</u>	
2	114522003	Trần Minh Tấn	Đạt	21/07/2001	Nam	8.8	5.3	7.1	004	<u>Trần Minh Tấn</u>	
3	114522021	Tăng Thị Phương	Linh	23/09/2004	Nữ	8.5	2.5	5.5	005	<u>luc</u>	
4	114522070	Phạm Hồ Minh	Thư	17/01/2004	Nữ	9.8	7.0	8.4	006	<u>Thư</u>	
5	114522074	Nguyễn Thị Thùy	Ân	23/02/2004	Nữ	10.0	6.5	8.3	020	<u>Thùy</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Kim Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Đu Cao Dương Phụng Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đu

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA21QDL

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 3 / 2024Phòng thi: Đ71-104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116621001	Tiêu Gia Bảo	19/12/2003	Nam	8.8	4,5	6,7	001	<u>Tiêu Gia Bảo</u>		
2	116621005	Lâm Hải	03/01/1999	Nam	9.0	5,0	7,0	002	<u>Lâm Hải</u>		
3	116621007	Tích Xen Hồ	03/07/2000	Nam	6.8	3,5	5,2	003	<u>Tích Xen Hồ</u>		
4	116621009	Lâm Gia Huy	27/07/2003	Nam	6.4	4,3	5,4	004	<u>Lâm Gia Huy</u>		
5	116621013	Nguyễn Thị Yến Linh	21/11/2003	Nữ	8.1	4,0	6,1	005	<u>Nguyễn Thị Yến Linh</u>		
6	116621025	Lê Thị Huyền Trân	10/11/2003	Nữ	7.1	1,5	4,3	006	<u>Lê Thị Huyền Trân</u>		
7	116621029	Nguyễn Trường Vũ	24/05/2003	Nam	8.0	3,0	5,5	007	<u>Nguyễn Trường Vũ</u>		
8	116621030	La Thị Thúy Vy	15/06/2003	Nữ	7.3	4,3	5,8	008	<u>La Thị Thúy Vy</u>		
9	116621036	Nguyễn Kỳ Anh	15/05/2002	Nam	6.7	4,5	5,6	009	<u>Nguyễn Kỳ Anh</u>		
10	116621044	Nguyễn Khánh Đăng	23/02/2003	Nam	7.8	4,5	6,2	010	<u>Nguyễn Khánh Đăng</u>		
11	116621046	Lâm Tha	01/01/1999	Nam	6.3	4,5	5,4	011	<u>Lâm Tha</u>		
12	116621099	Trần Nguyễn Uyên Nhi	24/10/2003	Nữ	7.6	2,8	5,2	012	<u>Trần Nguyễn Uyên Nhi</u>		
13	116621110	Nguyễn Quốc Khải	29/09/2003	Nam	7.5	2,3	4,9	013	<u>Nguyễn Quốc Khải</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 13Tổng số sv, hs dự đánh giá: 13Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 13Tổng số tờ: 13Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Minh NguyệtCán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị LinhĐiểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024Cán bộ ghi điểm: Châu Cao Dương Phương LanCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22KT(CO-OP)

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Tra miệng

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 3 / 2024

Phòng thi: ĐH 104

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	111922024	Lê Bảo An	03/02/2004	Nam	6,4	4,5	5,5	014	<u>HL</u>		
2	111922025	Nguyễn Bảo An	21/06/2004	Nữ	6,4	5,3	5,9	015	<u>AV</u>		
3	111922128	Phạm Huệ Nữ	16/11/2004	Nữ	6,2	5,0	5,6	016	<u>huenul</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03..

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03..

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 1.....

Tổng số tờ: 1.....

Cán bộ coi thi 1: Phạm Huệ Nữ

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Phạm Huệ Nữ

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Phạm Huệ Nữ

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20TCNH

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
01 / 03 / 2024

Phòng thi: C71 205

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Thư	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114520032	Lê Thị Minh	Thư	20/07/2002	Nữ	5.8	3,0	4,4	001			
2	114520033	Huỳnh Ái	Trâm	12/01/2002	Nữ	5.8	4,0	4,9	002			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: ThS. Trần Văn Hậu

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: ThS. Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: ThS. Cao L
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20CK

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 3 / 2024

Phòng thi: ĐT. 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111820007	Châu Trường	Hạt	28/09/2002	Nam	7.2	3,8	5.5	001	<u>Đ.T. 114</u>	
2	111820008	Nguyễn Hoàng	Hiếu	07/10/1993	Nam	7.9	3,5	5.7	002	<u>Đ.T. 114</u>	
3	111820009	Thạch Kim	Hoàng	22/03/2002	Nam	—	—	—	—	—	
4	111820011	Lê Minh	Khoa	18/05/2002	Nam	7.9	3,5	5.7	004	<u>Đ.T. 114</u>	
5	111820015	Hà Tuấn	Phong	28/01/2002	Nam	8.3	4,3	6.3	005	<u>Đ.T. 114</u>	
6	111820026	Ngô Thống	Trị	05/06/2002	Nam	7.4	4,5	6.0	006	<u>Đ.T. 114</u>	
7	111820028	Dương Minh	Chiêu	07/12/2002	Nam	8.3	4,3	6.3	007	<u>Đ.T. 114</u>	
8	111820031	Huyền Công	Khởi	01/07/2002	Nam	7.4	6,0	6.7	008	<u>Đ.T. 114</u>	
9	111820033	Lý Văn	Nhi	08/08/2002	Nam	7.3	3,8	5.6	009	<u>Đ.T. 114</u>	
10	111820034	Nguyễn Thị Ngọc	Nhiên	30/08/2002	Nữ	6.7	4,3	5.5	010	<u>Đ.T. 114</u>	
11	111820038	Lê Anh	Tuấn	08/06/2001	Nam	7.4	4,0	5.7	011	<u>Đ.T. 114</u>	
12	111820040	Cao Chí	Công	17/04/2002	Nam	7.2	4,5	5.9	012	<u>Đ.T. 114</u>	
13	111820049	Đặng Thanh	Luân	20/09/2002	Nam	8.6	5,8	7.2	013	<u>Đ.T. 114</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 13

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 12

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 12

Tổng số tờ: 12

Cán bộ coi thi 1: Đ.T. Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Đ.T. Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA20QKDTH

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 3 / 2024

Phòng thi: 0.71.11.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chi
1	112220147	Lê Nguyễn Tuyết Huỳnh	18/12/2002	Nữ	<u>70</u>	<u>23</u>	<u>4.7</u>	<u>014</u>	<u>Longthuy</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: B. Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Lat Cao Dương Phương Loan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Lat
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA21LTM

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 3 / 2024

Phòng thi: 071.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114121001	Kim Thị Thu An	19/03/2003	Nữ	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		<u>/</u>		<u>CT</u>
2	114121035	Kim Thị Thu Ngân	31/01/2003	Nữ	<u>/</u>	<u>/</u>	<u>/</u>		<u>/</u>		<u>CT</u>

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00

Tổng số tờ: /

Cán bộ coi thi 1: Đa Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Đa Cao Diễm Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đa
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA22KT

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 8 / 2024

Phòng thi: D71 114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111922022	Võ Thị Mộng Trinh	10/09/2004	Nữ	76	3,8	5,7	017	7UL		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Đ. Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thư Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thanh
Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA21QTKSA

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 3 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	118921011	Thạch Thị Cửu	Long	10/05/2003	Nữ	7,5	2,3	4,9	001	<u>Thạch Cửu</u>	
2	118921020	Trương Thị Hồng	Thanh	15/07/2003	Nữ	7,6	5,0	6,3	002	<u>Trương Hồng</u>	
3	118921034	Phùng Gia	Hưng	03/02/2002	Nam	—	—	—	—	—	
4	118921035	Vô Minh	Thi	08/06/2002	Nam	8,1	2,8	5,5	004	<u>Vô Minh Thi</u>	
5	118921105	Nguyễn Thị Bảo	Trần	22/10/2003	Nữ	7,6	6,5	7,1	005	<u>Nguyễn Bảo</u>	
6	118921135	Trương Thị Hồng	Nhung	22/09/2003	Nữ	7,8	4,3	6,1	006	<u>Trương Nhung</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ: —

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Đào Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2: —

Cán bộ kiểm tra: —

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (01 -)/DA21QTNH

CBGD: Trần Mộng Đây (00337)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

01 / 3 / 2024

Phòng thi: 07.1114

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	119021005	Nguyễn Thị Hồng	Liên	05/10/2003	Nữ	8.6	3,3	6,0	007	<u>1</u>		
2	119021007	Dương Minh	Nghĩa	18/08/2003	Nam	—	—	—	—			
3	119021010	Huỳnh Hữu	Tâm	08/12/2003	Nam	7.6	4,5	6,1	009	<u>Thudam</u>		
4	119021020	Đỗ Vũ	Hải	11/08/2003	Nam	9.3	4,5	6,9	010	<u>ng</u>		
5	119021026	Đào Thanh	Sang	01/07/2002	Nam	8.3	4,0	6,2	011	<u>ng</u>		
6	119021034	Âu Dương	Long	07/01/2002	Nam	8.3	3,8	6,1	012	<u>1</u>		
7	119021060	Võ Tuyết	Ngân	17/07/2003	Nữ	7,9	4,5	6,2	013	<u>Đoan</u>		
8	119021083	Ngô Minh	Cảnh	17/01/2003	Nam	8.8	3,3	6,1	014	<u>GG</u>		
9	119021108	Nguyễn Thị Vân	Anh	06/08/2003	Nữ	6.9	4,3	5,6	015	<u>ng</u>		
10	119021109	Đỗ Thị Minh	Thư	24/07/2003	Nữ	7,8	5,0	6,4	016	<u>Th</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ: —

Cán bộ coi thi 1: Đ. Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2: —

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 80 %

Trà Vinh, Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Thái Cao Dương Phụng Lan

Cán bộ kiểm tra: —

Nguyễn Thị Linh